

DIFFICULTIES IN PRESERVATION AND DEVELOPMENT OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES: A CASE STUDY OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN PHUC SEN COMMUNE, QUANG HOA DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

Hoang Thi Le Thao

Institute of Anthropology – Vietnam Academy of Social sciences

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	26/9/2023	Traditional craft villages not only have economic significance but also are places containing the cultural identity of each community, especially in mountainous and ethnic minority areas. In recent years, socio-economic development has had an impact on the preservation and development of traditional craft villages. So, how do traditional craft villages encounter difficulties in preservation and development in the context of industrialization and modernization? This article presents and analyzes to clarify the answers using field data collected by qualitative methods (in-depth interviews, focus group discussions, directly observations) some traditional craft villages in Phuc Sen commune, Quang Hoa district, Cao Bang province. The research had fieldwork implementation in June 2022. Research results show that there were difficulties and conflicts between economic development and cultural preservation, especially in terms of environmental pollution, raw materials, labors, capital resources and support policies. Therefore, it is necessary to consider synchronous solutions for socio-economic development along with the core cultural identity of each traditional craft village.
Revised:	10/11/2023	
Published:	10/11/2023	
KEYWORDS		
Craft village		
Culture		
Economy		
Tourism		
Ethnic minority		

KHÓ KHĂN TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP LÀNG NGHỀ Ở XÃ PHÚC SEN, HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

Hoàng Thị Lê Thảo

Viện Dân tộc học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 26/9/2023	Làng nghề truyền thống không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn là nơi chứa đựng đậm nét bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng, đặc biệt ở khu vực miền núi và dân tộc thiểu số. Trong những năm trở lại đây, sự phát triển kinh tế - xã hội đã có ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống. Vậy, làng nghề truyền thống gặp khó khăn trong bảo tồn và phát triển trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa như thế nào? Bài viết này trình bày và phân tích để có thể làm rõ câu trả lời bằng các tư liệu điền dã thu thập bằng phương pháp định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát trực tiếp) tại một số làng nghề ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Nghiên cứu triển khai thực địa năm 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiện đang tồn tại những khó khăn, thậm chí xung đột giữa mục tiêu phát triển kinh tế và nhu cầu giữ gìn văn hóa, thể hiện qua các vấn đề về ô nhiễm môi trường, nguyên liệu, nhân lực, nguồn vốn và các chính sách hỗ trợ. Do đó, cần thiết xem xét những giải pháp đồng bộ để phát triển kinh tế - xã hội đồng hành cùng bản sắc văn hóa cốt lõi của mỗi làng nghề.
Ngày hoàn thiện: 10/11/2023	
Ngày đăng: 10/11/2023	
TỪ KHÓA	
Làng nghề	
Văn hóa	
Kinh tế	
Du lịch	
Dân tộc thiểu số	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8828>

Email: nungathao@yahoo.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

18

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Tính đến năm 2020, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam có 4.575 làng nghề, trong đó chỉ có 1.951 làng nghề được công nhận và vùng trung du miền núi phía Bắc có 478 làng (chiếm 24,8%) [1]. Trong bối cảnh đó, mặc dù có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, nhưng đến năm 2021, làng nghề rèn Phúc Sen, làng nghề hương Phia Thấp, làng nghề giấy bản Quốc dân (xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng) mới được công nhận. Đây là những nỗ lực của địa phương để có thể phát triển kinh tế trên nền tảng văn hóa lâu đời của cộng đồng người Nùng An nơi đây.

Làng nghề được nhìn nhận đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương, không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới [2]. Các đóng góp được đưa ra là: tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, bảo tồn các giá trị văn hóa tại địa phương và phát triển du lịch. Hình thức phát triển làng nghề kết hợp giữa kinh tế và văn hóa được đa số các nghiên cứu đưa ra là xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch làng nghề đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu du khách [3], tạo sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu khách hàng bên cạnh các sản phẩm truyền thống của làng nghề [4], khai thác yếu tố văn hóa tộc người đưa vào sản phẩm [5].

Trong sự phát triển đó, khi nói đến làng nghề, các nghiên cứu thường tập trung tìm hiểu và phân tích các vấn đề thực trạng như ô nhiễm môi trường [1], các khó khăn trong phát triển kinh tế tạo thu nhập từ nghề [6], cách triển khai du lịch ở các làng nghề [7], [8].

Có thể thấy rằng, nghiên cứu về làng nghề đang khai thác hướng kết hợp kinh tế và văn hóa trong phát triển làng nghề như thế nào, hoặc đề cập đến các khó khăn, hậu quả môi trường từ hoạt động sản xuất của các làng nghề. Trong khi đó, lợi ích kinh tế và việc bảo tồn, giữ gìn văn hóa truyền thống cũng có những xung đột cần được nhìn nhận và giải quyết thấu đáo. Vì vậy, bài viết này mong muốn là sự bổ khuyết trong nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích sự khó khăn trong bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống ở khu vực miền núi và dân tộc thiểu số, từ góc nhìn, ý kiến của người dân, chủ thể văn hóa và kinh tế của mỗi làng nghề.

2. Khái quát địa bàn, dân tộc và phương pháp nghiên cứu

2.1. Làng nghề ở xã Phúc Sen

Xã Phúc Sen nằm ở Tây Nam của huyện Quảng Hòa, cách trung tâm huyện khoảng 3 km. Trên địa bàn xã có tuyến Quốc lộ 3 chạy qua từ thành phố Cao Bằng đi cửa khẩu Tà Lùng, thuận tiện cho việc giao lưu văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội. Địa giới hành chính của xã được xác định như sau: phía Đông giáp thị trấn Quảng Uyên và xã Chí Tháo; phía Tây giáp xã Quốc Toản; phía Nam giáp xã Tự Do; phía Bắc giáp xã Phi Hải.

Về tổ chức hành chính, xã Phúc Sen có 11 đơn vị xóm. Hiện nay, đây là một trong số các xã có 100% dân số thuộc nhóm Nùng An và còn bảo lưu được nhiều nét văn hóa dân tộc truyền thống [9]. Qua gia phả, điều tra các ngôi mộ tổ của các dòng họ ở Phúc Sen và tham khảo các công trình nghiên cứu, có thể xác định thời gian người Nùng An đến tụ cư ở vùng đất này vào khoảng từ 300 năm đến 500 năm. Ngoài sản xuất nông nghiệp, người dân Phúc Sen còn làm thêm các nghề thủ công truyền thống. Đại bộ phận người dân ở Phúc Sen đều là những người nông dân khéo tay với các nghề thủ công tiêu biểu như nghề rèn đúc (thôn Pác Răng, thôn Phia Chang...), làm hương (làng Phia Thấp), làm giấy bản (thôn Dì Trên, làng Lũng Ó).

Làng nghề rèn

Nghề rèn tập trung ở các thôn Pác Răng, Phia Chang, Tiến Minh, Đâu Cọ. Theo người dân truyền lại thì làng nghề rèn đã có từ thế kỷ thứ XI, ban đầu là nơi sản xuất vũ khí cho Nùng Tôn Phúc và Nùng Trí Cao chống lại quân Tống. Sau chiến tranh, người dân ở đây đã chuyển sang rèn công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Hiện nay, Phúc Sen đã trở thành “xưởng rèn thủ công” lớn nhất miền Bắc Việt Nam [10]. Các gia đình làm nghề theo cách thức cha truyền con nối đã hàng chục đời, sản phẩm rèn của làng làm ra luôn nổi tiếng về độ sắc và độ bền.

Thống kê đến tháng 6/2022 của UNBD xã Phúc Sen, tổng số lò rèn trong xã là 145 lò và gần 300 người thường xuyên tham gia sản xuất nhỏ theo hộ gia đình hoặc liên kết một vài cá nhân.

Làng nghề làm hương

Nằm dưới chân núi chân núi Tà Lùng, Phia Thấp được biết đến với nghề làm hương truyền thống đã bao đời nay. Với thành phần hoàn toàn tự nhiên, mùi hương của Phia Thấp có mùi cay cay, nồng nồng của cây trầm. Vào những ngày trời nắng, mọi con đường trong xóm Phia Thấp đều ngào ngạt trầm hương. Lúc nông nhàn, trong xóm từ già đến trẻ đều tất bật với công việc làm hương. Nhịp sống này đã được người Nùng An nơi đây duy trì hàng trăm năm nay. Các công đoạn làm hương đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không được phép cầu thả, làm gian dối, kém chất lượng. Nguyên liệu chủ yếu để làm hương là cây mai, vỏ cây gạo, mùn cưa, các loại cây tạo mùi như kháo, nghiêng đỏ, cây thung... và đặc biệt là lá cây “bầu hắt”, một loại lá cây trên rừng dùng để làm chất keo kết dính các nguyên liệu lại với nhau. Bà Hoàng Thị Bày (1971, làng Phia Thấp) cho biết, nghề làm hương bằng phương pháp thủ công này đã có từ hàng trăm năm nay, ông bà truyền bố mẹ, bố mẹ truyền các con, các con truyền các cháu. Hiện nay có 48/103 hộ với hơn 110 lao động làm nghề [10]. Thu nhập từ làm hương chiếm 50% tổng thu nhập của hộ gia đình, nhiều hộ có thu nhập hàng năm trên 90 triệu đồng/năm.

Làng nghề làm giấy

Nghề làm giấy bản đã xuất hiện hơn 100 năm nay. Giấy bản được làm bằng phương pháp thủ công từ cây “mạy sla” (vỏ cây dương) đã có từ trăm năm nay tại làng Lũng Ở và Dĩa Trên. Nghề làm giấy bản khá vất vả, tốn nhiều thời gian và công sức bởi thực hiện nhiều công đoạn. Từ khâu lên rừng tước vỏ “mạy sla” đem về cho vào nồi lớn đun sôi, vớt ra để nguội, tước sạch lớp vỏ đen bên ngoài (chỉ lấy lớp trắng bên trong), rồi phơi khô. Sau đó, gom lại đem vào nồi đun lần thứ hai rồi vớt ra, lấy dây buộc thành từng bó to như bắp tay đem ra ngoài nương nước ngâm 1 ngày, rồi vớt lên và rũ hết phần nhựa còn dính lại đem về nhà dùng cây đòn, chày đập cho nát nhừ, cho xuống bể đã đổ sẵn nước. Tiếp đó dùng một thanh gỗ khuấy đều khi chỉ còn sót lại lớp xơ vỏ cây thì vớt lên, một lớp giấy còn ướt hiện hình trên khung. Đem giấy bản còn ướt lên sàn nhà, hai tay nhẹ nhàng gỡ từng tờ giấy bản dán lên bức vách gỗ trước cửa nhà chuyển sang công đoạn làm khô giấy.

Hiện nay, làng có 39/116 hộ với hơn 93 lao động làm nghề [10]. Thu nhập từ làm giấy bản chiếm khoảng 50% tổng thu nhập trong hộ gia đình. Từ làm giấy bản, các hộ dân ở Phúc Sen đã có thêm nguồn thu nhập ổn định, nhiều hộ có thu nhập hàng chục triệu đồng/ năm.

Nghề thủ công truyền thống không chỉ là văn hóa cộng đồng tộc người mà còn đem lại nguồn thu nhập cho hộ gia đình nói riêng và phát triển kinh tế địa phương nói chung. Trong bối cảnh phát triển hiện nay, những nhu cầu phát triển kinh tế và mong muốn bảo tồn văn hóa truyền thống đã nảy sinh những xung đột. Trên cơ sở nghiên cứu thực địa tháng 6-7/2022, bằng phương pháp phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát tham dự, bài viết này sẽ tìm hiểu và phân tích một số khó khăn để giữ gìn văn hóa trong sự phát triển kinh tế tại các làng nghề thủ công truyền thống ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng từ những câu chuyện, ý kiến của người dân địa phương.

2.2. Nhóm dân tộc Nùng An

Dân tộc Nùng thuộc nhóm các dân tộc nói ngôn ngữ Tày - Thái Kadai. Địa bàn tụ cư truyền thống của người Nùng là các tỉnh miền núi Đông Bắc như Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên,... Dân tộc Nùng có dân số chiếm 31,08% toàn tỉnh Cao Bằng [11], tương đương 27% so với tổng dân số dân tộc Nùng toàn quốc [12]. Người Nùng ở Việt Nam có nhiều nhóm địa phương như Nùng Inh, Nùng Cháo, Nùng An, Nùng Phàn Sình. Theo báo cáo biến động dân số của Ủy ban Dân số tỉnh Cao Bằng năm 2009, nhóm Nùng An chiếm 23,35% trong tổng số dân tộc Nùng của tỉnh, phân bố tập trung ở huyện Quảng Hòa, Phục Hòa (Nguyễn Thị Yên, Văn hóa Nùng). Báo cáo của UBND xã Phúc Sen cho biết nhóm Nùng An chiếm tuyệt đại đa số dân cư ở các làng nghề của xã Phúc Sen.

Theo lời kể của ông Hoàng Văn M. (1950, bản Phia Thấp, xã Phúc Sen), người Nùng An đến tụ cư ở mảnh đất Phúc Sen được khoảng 300 năm, từ 3 họ gốc lập nghiệp khai hoang nơi đây.

Đặc điểm cư trú của nhóm Nùng An là khu vực chuyển tiếp giữa vùng thấp và vùng cao, thường là thung lũng, nên họ làm ruộng nước ít, canh tác nước rẫy chủ yếu [13]. Các gia đình có hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ, đa phần thả rông gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó, họ có các nghề thủ công đem lại nguồn thu nhập đáng kể, như nghề rèn đúc, làm ngói, làm hương, đan lát mây tre, làm giấy bản,... Họ thực sự là những người thợ khéo léo, chăm chỉ và sáng tạo. Các sản phẩm từ nghề thủ công của người Nùng An đã được đưa vào giao thương và nổi tiếng trong vùng.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định tính được tác giả sử dụng chính trong thu thập và xử lý tài liệu. Các số liệu, kết quả nghiên cứu được tác giả thu thập thông qua điền dã tại xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tháng 6-7/2022. Thông tin được thu thập qua các cuộc phỏng vấn sâu (PVS), kết hợp có thảo luận nhóm và quan sát thực địa. Phương pháp phân tích định tính còn được sử dụng để phân tích các tài liệu có dạng văn bản, như tư liệu thực địa, tài liệu địa phương. Bên cạnh đó, các phương pháp thống kê, miêu tả, so sánh, hồi cố... được sử dụng để hỗ trợ cho việc tổng hợp tư liệu, thông tin cần thiết nhằm làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu ở làng nghề.

Bên cạnh nguồn tư liệu điền dã, tác giả có sự kế thừa các tài liệu địa phương và kết quả nghiên cứu đã được công bố trong các công trình khoa học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vấn đề ô nhiễm môi trường

Vấn đề ô nhiễm môi trường chung ở các làng nghề truyền thống của xã Phúc Sen là việc vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt theo quy mô hộ gia đình, chưa có đơn vị chuyên nghiệp thu gom xử lý. Còn tùy theo đặc thù hoạt động sản xuất, mỗi làng lại có những vấn đề ô nhiễm cần được quan tâm hơn. Cụ thể là:

3.1.1. Làng nghề rèn: ô nhiễm âm thanh, không khí

Đặc thù nghề rèn là các hoạt động mạnh, tạo âm thanh lớn. Đó là âm thanh từ tiếng quai búa, tiếng đập đe, tiếng cắt mài,... Người dân ở các làng rèn thường mắc bệnh ù tai do ô nhiễm tiếng ồn, đau mắt do ô nhiễm bụi than, bụi sắt, bụi đá mài, nhiệt lửa. Điều này cũng cản trở việc phát triển hoạt động du lịch dài ngày, lưu trú qua đêm.

Mặc khác, người dân cũng có mong muốn đầu tư máy móc tự động trong sản xuất của các làng nghề rèn để đem lại năng suất cao, cũng góp phần giảm thiểu ô nhiễm ảnh hưởng sức khỏe người dân. Từ năm 2013, một số hộ gia đình đã đầu tư máy đập, máy cắt vè plasma. Do có máy hỗ trợ, nên trước đây sản xuất theo cảm quan của người thợ, còn nay đã có sự chính xác và theo yêu cầu mẫu mã của thị trường. Tuy nhiên, “*người dân chưa mạnh dạn thực hiện, chỉ cơ giới hóa một phần, vì máy móc tự động sẽ phá vỡ cảnh quan làng nghề truyền thống, ảnh hưởng đến công tác bảo tồn truyền thống, thu hút du lịch*” (PVS Nông Văn T., 1978, cán bộ xã Phúc Sen). Đặc trưng của nghề thủ công truyền thống là sử dụng sức người, văn hóa thể hiện trong trang phục, dụng cụ, nét đẹp lao động. Trực tiếp thao tác các công đoạn sản xuất rất có ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Tuy nhiên, để góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống, vừa là bản sắc của cộng đồng, vừa là phục vụ cho công tác du lịch, quảng bá, cùng với hạn chế về nguồn vốn, người dân chưa có sự đầu tư mạnh mẽ về công nghệ để tối ưu hiệu quả kinh tế. Đây chính là xung đột đầu tiên, có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của người dân về cách thức tổ chức sản xuất trong bối cảnh phát triển công nghệ - kỹ thuật hiện nay.

3.1.2. Làng nghề làm hương: ô nhiễm không khí

Quá trình sản xuất hương có giai đoạn đặc thù là lăn que vào bột mịn để nặn bột bám que, sau đó giũ để làm rơi phần bột không bám que. Công đoạn này khá bụi, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người thợ, mà còn gây ô nhiễm bụi cho môi trường xung quanh. Để hạn

chế nhiều nhất việc ảnh hưởng đến xung quanh, các hộ gia đình thường lẫn que giữ bột trong găm sàn, nơi kín. Điều đó càng làm tăng việc hấp thụ bụi mịn đối với người thợ.

Ở làng làm hương, hoạt động chăn nuôi, chăn thả gia súc tương đối phổ biến hơn so với làng rèn và làng làm giấy giấy. Thói quen làm chuồng trại gia súc, gia cầm ở găm sàn hoặc cạnh nhà là một phong tục lâu đời, trở thành nếp sống của người Nùng An ở địa phương. Con trâu là một tài sản lớn của mỗi gia đình. Việc buộc trâu ở găm sàn, nghe tiếng sừng trâu gõ vào cột nhà, như một cách thức để người dân biết tài sản của mình được an toàn. Trong những năm trở lại đây, chính quyền đã có những hỗ trợ để di chuyển chuồng trại khỏi nơi ở của người dân. “Xã có giúp cho tiền di chuyển đấy, nhưng đất nhà mình chỉ có vậy, nên chuyển cái chuồng trâu ra phía trước nhà, cách nhà khoảng 3-4 m thôi. Muốn chỗ đất rộng thì phải đi xa, những chỗ đó thiếu nguồn nước, nên không ai đi” (PVS Hoàng Thị B., 1971, thôn Phía Thấp, làng nghề làm hương). Ở góc độ văn hóa, con trâu là tài sản có giá trị, gắn gũi trong sinh hoạt hàng ngày của mỗi gia đình, nên phải làm chuồng ở gần để mắt, chăm nom. Bên cạnh đó, do sinh sống mật tập và diện tích đất làng có hạn, nên việc di chuyển chuồng trại chưa hiệu quả. Khoảng cách giữa chuồng gia súc và nhà vẫn rất gần. Số lượng chuồng gia súc nhiều, kèm theo việc chăn thả tự nhiên (thả rông) nên có mùi hôi đặc trưng từ chất thải của gia súc.

Cần nói thêm rằng, chăn nuôi trâu là tập quán chung của người Nùng An ở xã Phúc Sen. Trâu được nuôi để lấy sức kéo trong nông nghiệp hoặc bán cho thương lái xuất khẩu qua biên giới. Tuy nhiên, việc chăn nuôi ở làng nghề rèn và làng nghề giấy không gây ra ảnh hưởng ô nhiễm môi trường. Làng nghề rèn ít hoạt động chăn nuôi trâu, do đa số các hộ tập trung làm rèn, thu nhập từ nghề rèn tốt hơn. Ở làng nghề làm giấy, hoạt động sản xuất không sinh ra bụi nên không xảy ra vấn đề bụi nhiều kết hợp với chất thải chăn nuôi trâu tạo ô nhiễm mùi hay bùn bẩn. Đồng thời, không gian làng nghề rèn và làng nghề làm giấy rộng, thoáng, nên có điều kiện chăn thả tốt hơn. Vấn đề ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi ở làng nghề làm hương xuất phát từ không gian làng chật, khiến đặc thù sản xuất là bụi hương bốc lên kết hợp chất thải gia súc tạo mùi và đọng thành bùn bẩn trên các con đường làng, nhất là khi trời mưa hoặc mùa ẩm ướt, gây ra ô nhiễm môi trường chung.

Có thể thấy, việc công nhận nghề, làng nghề truyền thống đã góp phần khôi phục và phát triển được nhiều nghề truyền thống. Ý nghĩa của việc này, về kinh tế là tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; về văn hóa là giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn, gìn giữ không gian, cảnh quan làng nghề, nét đẹp văn hóa truyền thống, chứa đựng những tiềm năng lớn phát triển du lịch, dịch vụ. Tuy nhiên, thực trạng bảo tồn làng nghề còn gặp nhiều thách thức. Mục tiêu quan trọng nhất trong bảo tồn và phát triển làng nghề là phải đảm bảo yếu tố phát triển bền vững cả về kinh tế - xã hội, thân thiện với môi trường. Vì vậy, vấn đề ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển làng nghề đã trở thành mối lo ngại của người dân và là một đòi hỏi thực tiễn đặt ra cho các cấp, các ngành quản lý.

3.2. Vấn đề cạn kiệt nguyên liệu và thiếu hụt nhân lực

3.2.1. Cạn kiệt nguồn nguyên liệu

Một thách thức đang đặt ra đó là về nguồn nguyên liệu. Xu hướng nguồn nguyên liệu ngày càng cạn dần, giá cả ngày càng đắt đỏ. Làng nghề rèn Phúc Sen đang phải tìm nhập nguồn nhíp từ nhiều nơi, phổ biến là huyện Vĩnh Tường (tỉnh Vĩnh Phúc). Điều đó khiến chi phí tăng cao, hiệu quả sản xuất cũng như lợi ích kinh tế giảm. Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm không còn đảm bảo do nguồn nguyên liệu không ổn định. Điều này cũng ảnh hưởng uy tín và những nét văn hóa gắn với đặc thù nguyên liệu của nghề rèn nơi đây.

Đối với nghề làm hương, cây “bầu hắt” là nguyên liệu quan trọng, mọc tự nhiên trong rừng. Hiện nay, cây mai làm que, cây “bầu hắt” làm bột đã trở nên hiếm có ở địa phương. Người dân phải đi mua từ các nơi khác trong tỉnh như huyện Phúc Hòa, Thạch An. Còn cây mai được mua ở các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang. Điều này dẫn đến sự phụ thuộc, dễ chịu ảnh hưởng khi có các biến động về vận chuyển như trong thời gian phòng chống dịch bệnh Covid-19, chi phí giá thành cũng tăng theo.

Thiếu nguyên liệu cũng là một trong những lý do khiến khổ giấy bản nhỏ lại để đảm bảo giá thành không đổi (PVS Nông Thị V., 1995, thôn Địa Trên, làng nghề làm giấy bản).

3.2.2. Thiếu hụt nhân lực

Một khó khăn khác đó là nhân lực cho các làng nghề. Nếu làng nghề rèn còn thanh niên vì lợi ích kinh tế từ sản phẩm rèn cao hơn mặt bằng thu nhập chung, thì các nghề làm hương, nghề làm giấy đang có xu hướng già hóa, thiếu nhân lực lao động. Còn ít thanh niên muốn tham gia hoạt động nghề truyền thống do thu nhập thấp, bấp bênh. Hoàng Văn B. (1996, thôn Phia Thấp, làng nghề làm hương) chia sẻ: “*em lấy vợ năm 2019 thì sinh con. Cai sữa cho con xong, vợ chồng bàn nhau cho chị đi làm ở Sam Sung Bắc Giang, lương tăng ca được đến 10 triệu đấy, có ký túc xá, căng-tin ăn ngủ yên tâm. Để vợ đi thế thu nhập tốt, em ở nhà trông con, vì làm ruộng thì cần sức nam, nam khỏe mới có thể lái máy cày. Mà bận ruộng bận nhà, em cũng không làm hương nữa*”. Thảo luận nhóm tại thôn Phia Thấp cho thấy: thôn có 53 hộ thì 18 thanh niên đang đi làm ăn xa, làm việc cho công ty ở ngoài tỉnh. “*Cả 2 vợ chồng con trai chị đi làm ở Sam Sung thì tiêu lương 1 người, để dành 1 người. Làm nông nghiệp vất vả lắm, các con không chịu, nên đi công ty, giờ có tiền mua được 2 xe máy, 1 xe chở hàng*” (PVS Hoàng Thị H., 1981, thôn Phia Thấp). Có thể thấy rằng, bối cảnh giao lưu hội nhập cũng dẫn đến sự chuyển dịch lao động từ làng ra các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh. Trong đó, các công ty ở khu công nghiệp thường ưu tiên tuyển nữ. Khi đó, trong gia đình có sự bàn bạc phân công công việc, thường là ông, bà đi theo đến nơi làm (khu công nghiệp) để trông cháu, nhiều trường hợp cả người chồng cũng đi cùng để tăng thu nhập hoặc hỗ trợ vợ chăm con. Do đó, số lượng thanh niên ở các làng nghề ngày càng vắng hơn. Những thực hành văn hóa vì vậy không còn phong phú và giảm về số lượng cũng như mức độ thực hiện.

3.3. Vấn đề nguồn vốn và chính sách hỗ trợ

3.3.1. Thiếu vốn

Do không có vốn đầu tư sản xuất nên hiện nay, làng nghề dao ở Phúc Sen đã bị chậm về công nghệ so với Hà Nội, Vĩnh Phúc khoảng 20 năm. Đến nay, phương pháp rèn của người Nùng An ở đây vẫn đa phần thủ công, sản xuất số lượng ít và giá thành cao. “*Số dao mà cả làng Pác Răng sản xuất không bằng một nhà ở Tiến Lộc (Thanh Hóa). Mỗi ngày nhà Tiến Lộc, 2 vợ chồng, sản xuất được 1.200 dao, xuất đi Lào, Cam-pu-chia*” (PVS Sạch Văn H., 1988, thôn Pác Răng).

Với làng nghề làm hương, một chiếc máy nhào bột có giá hơn 40 triệu cũng là một tài sản vô cùng giá trị mà không phải gia đình nào cũng có thể bỏ tiền mua một lần. Cả làng có 4-5 máy và các hộ không có máy thì mang bột đến nhào dịch vụ, khi ra thành phẩm, chủ máy thu 1.200 đ/kg. Việc cơ giới hóa trong các khâu sản xuất giúp giảm sức người, cho sản phẩm đồng đều mẫu mã và chất lượng hơn. “*Nghề hương bây giờ tốt hơn ngày xưa vì có máy. Xưa phải giã bằng cối đá, phải có 2 người cùng làm*” (PVS Hoàng Văn M., 1959, thôn Phai Thấp). Tuy nhiên, khó khăn về vốn nên người dân không sẵn sàng đầu tư ổn định và lâu dài mà chấp nhận đi thuê máy theo từng cân nguyên liệu.

3.3.2. Khó khăn khi cạnh tranh trên thị trường

Dao Phúc Sen là sản phẩm nổi tiếng, có tên tuổi lâu năm. Trong hơn chục năm trở lại đây, nhiều người ở nơi khác đến xã mở cửa hàng hoặc ở các tỉnh thành khác cũng sản xuất dao và quảng cáo là dao Phúc Sen. Trong khi đó, hoạt động ở làng nghề rèn đến nay vẫn mang tính hộ gia đình độc lập hơn là hội nhóm kinh doanh. “*Xã Phúc Sen có ý định tập hợp, mở hội nghề rèn, nhưng chưa làm được vì không đảm bảo việc cạnh tranh giá cả, cạnh tranh mặt hàng*” (PVS Lương Văn H., 1986, thôn Pác Răng, làng nghề rèn). Cho đến thời điểm thực địa, tại làng nghề rèn Pác Răng, đã có một số hợp tác xã đã được thành lập, nhưng hoạt động không hiệu quả và sớm giải thể. Đến nay, chỉ còn hợp tác xã Hà Khiêm, thành lập năm 2019, vẫn còn hoạt động. Hợp tác xã này quy tụ 7 hộ gia đình để xây dựng thương hiệu, trong đó mỗi hộ đảm nhiệm rèn một loại dao. Nếu như trước đây, nhắc đến nghề rèn Phúc Sen là nhắc đến các sản phẩm tiêu biểu

như lưỡi cưa, lưỡi cày, cuốc bướm, liềm,... Từ cuối những năm 1990, nghề rèn dần chuyển sang chuyên sản xuất dao. *“Những năm 1964-1965, mỗi lần có chợ phiên, ông thường mang ra chợ 8 lưỡi cưa để bán. Lúc đó được giá lắm, mất 1 ngày để sản xuất 1 lưỡi cưa, nhưng 1 lưỡi cưa có thể mua được 15-16 bát phở. Bây giờ không sản xuất các công cụ làm ruộng rồi. Nếu muốn mua lưỡi cày phải sang chợ Trung Quốc, mà cũng còn 1-2 lò ở Phía Chang rèn, ít lắm”* (PVS Lương Văn T., 1944, làng rèn Pác Ràng). Việc chuyên sâu sản xuất một loại sản phẩm là một nỗ lực thay đổi của người dân để đáp ứng theo nhu cầu của thị trường. Nhưng đây cũng là một thể hiện của sự thay đổi văn hóa sản xuất của làng nghề, kéo theo sự mất dần các tri thức trong rèn công cụ sản xuất nói riêng và tri thức sản xuất nông nghiệp nói chung.

Tại làng rèn Pác Ràng, có những hộ gia đình xuất khẩu đơn hàng ra nước ngoài, có những hộ gia đình chuyên đồ hàng giao các tỉnh. Tuy nhiên, cách thức tổ chức hoạt động dựa vào mối quan hệ thân quen do cá nhân khai thác, chưa tạo thành sự liên kết ổn định, dễ bị ép giá và các rủi ro trong quá trình giao hàng, thanh toán.

Đối với làng nghề làm hương, người dân còn có tâm lý *“tự làm nhiều được nhiều, làm ít được ít”* (PVS Hoàng Văn L., 1986, thôn Phía Thấp) nên không hình thành được hợp tác xã tại đây.

Người dân cũng có mong muốn được tập huấn, đào tạo về công nghệ thông tin và cách thức bán hàng trên không gian mạng. Tuy nhiên, do chưa có hiệp hội ngành nghề, chưa có đơn vị đủ khả năng quy tụ các hộ sản xuất, nên người dân vẫn đang tự mày mò. *“Em mong muốn bán online để vừa trông con, vừa giới thiệu hàng cho anh em ở xa (Đắk Lắk, Đắk Nông), nhưng chưa biết làm cách nào. Em chưa được học về kinh doanh online, phải tự mày mò”* (PVS Long Thị Diệu T., 1996). Đây là tâm sự của một nữ thanh niên Nùng An sinh ra và lớn lên ở làng nghề rèn, lấy chồng ở làng nghề làm hương. Thanh niên ngày nay vẫn nhận thức được các giá trị của nghề truyền thống của địa phương, của dân tộc mình. Họ muốn gắn bó với nghề cha ông trao truyền, nhưng vẫn đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận các cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh, cách đưa sản phẩm ra thị trường.

Khó khăn nhất trong các làng nghề có thể kể đến là làng nghề làm giấy bản. Đặc thù loại giấy này sản xuất thủ công, giới hạn về khổ giấy, số lượng, không đồng đều chất lượng. Giấy bản được sử dụng chủ yếu trong hoạt động tín ngưỡng (viết sớ, tiền mã, đặt cho đám ma...) theo phong tục truyền thống của người Nùng, Tày và cộng đồng Choang bên kia biên giới. Do đó, khả năng mở rộng loại hình ứng dụng sản phẩm gặp khó khăn. Cùng với các hỗ trợ trong chương trình phát triển Công viên địa chất tỉnh Cao Bằng, một vài hộ gia đình ở thôn Rìa Trên đã được tập huấn, được gợi ý sử dụng máy trong sản xuất, được hướng tới đầu ra tiêu thụ sản phẩm trong các nhà hàng. Tuy nhiên, các sáng kiến này vẫn chỉ là trên giấy tờ. Người dân vẫn đang tự xoay sở để giữ nghề. Cơ hội phát triển và gìn giữ văn hóa truyền thống dân tộc vẫn đang đặt ra nhiều vấn đề khiến người dân lo lắng, quan tâm.

Hoạt động sản xuất tại các làng nghề truyền thống chưa hoặc rất ít liên kết với các đơn vị, công ty thương mại, chưa tạo thành chuỗi liên kết để sản phẩm được quảng bá và cung ứng rộng rãi trên thị trường. Điều này phần nào xuất phát từ thói quen sản xuất nhỏ lẻ làm khi nông nhàn, và cũng có thể là tâm lý thuần nông, thiếu nhạy bén về kinh tế của những người nông dân miền núi chất phác.

4. Kết luận

Có thể thấy rằng, những làng nghề ở xã Phúc Sen đã khẳng định được tên tuổi trong truyền thống và cho đến nay vẫn duy trì được hoạt động sản xuất. Do đó, các làng nghề rèn, nghề làm giấy, nghề làm hương đã được công nhận là làng nghề truyền thống và đặc biệt, làng nghề rèn Phúc Sen được Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia năm 2019.

Để tồn tại, mỗi làng nghề cần đem lại lợi ích kinh tế cho người dân, đồng thời, người dân cũng mong muốn giữ gìn để tự hào về văn hóa tộc người, văn hóa địa phương trong hoạt động sản xuất của làng nghề. Những khó khăn trong việc đảm bảo phát triển kinh tế và giữ gìn văn hóa

đang ngày càng bộc lộ rõ ràng hơn. Phát triển dịch vụ du lịch gắn với hoạt động sản xuất của làng nghề đang là một giải pháp được đẩy mạnh thực hiện tại xã Phúc Sen, nằm trong bối cảnh Công viên địa chất tỉnh Cao Bằng được thành lập năm 2017. Để hiệu quả hơn, nên tiếp tục có nghiên cứu sâu xác định rõ những nét văn hóa nào là cốt lõi để tập trung khai thác cho phát triển kinh tế và giữ gìn để đảm bảo bức tranh văn hóa chung của tộc người và địa phương.

Lời cảm ơn

Bài viết là kết quả của Dự án: Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất non nước Cao Bằng (2021-2023), mã số: VINIF09 2021.VHLS 04, do TS. Bùi Thị Bích Lan là Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học là tổ chức chủ trì. Dự án này được tài trợ bởi Vingroup và hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới, sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. T. H. Nguyen, "Polluted wastewater in craft villages and some solutions proposed," *Journal of Environment*, no. 2, pp. 63-65, 2023.
- [2] Q. V. Nguyen and T. T. N. Tran, "Experiences in some Asian countries in the development of craft village tourism and recommendation for Vietnam," *DTU Journal of Sciences and Technology*, vol. 46, no. 3, pp. 130-136, 2021.
- [3] H. L. Pham and T. H. T. Le, "Developing tourism in traditional craft villages: theoretical basis, practices and lessons learned," *Anthropology Review*, no. 6, pp. 53-62, 2022.
- [4] H. T. To, D. L. Nguyen, and D. T. Vu, "Developing craft village tourism in Red river delta toward year 2035: forecast and some recommendations, solutions," *Journal of Finance and Accounting Research*, no. 242, pp. 9-13, 2023.
- [5] N. H. Le, "Conservation and development of blacksmithing in Pac Rang associated with tourism – opportunities and challenges," *Journal of Ethnic Minorities Research*, vol. 12, no. 3, pp. 101-107, 2023.
- [6] T. N. L. Le, T. V. Ngo, and T. P. Huynh, "The situation and solutions to development of traditional trade villages in Hoi An city, Quang Nam province," *Journal of Sciences (Quan Nam University)*, no. 27, pp. 47-62, 2023.
- [7] K. N. Phan, "Assessment of tourism development capacity in craft villages in Da Nang city," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 227, no. 09, pp. 91-99, 2022.
- [8] V. C. Ho, "Development of traditional craft villages mounted with experiential travel in Ba Ria – Vung Tau province," *Economy and Forecast Review*, pp. 158-161, 2022.
- [9] People's Committee of Phuc Sen commune, *Report for workshop with Industrial and commercial department and Hanoi Polytechnic University*, Caobang, 2022.
- [10] People's Committee of Phuc Sen commune, *Report on natural conditions and socio-economy characteristics of Phuc Sen commnue*, Caobang, 2022.
- [11] Caobang Ethnic Affair, *Report on Implementing Decision no. 2086/QĐ-TTg in Cao Bang province*, Caobang, 2019.
- [12] General Statistics Office of Vietnam, *Results of the 2019 Vietnam population and housing census*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2020.
- [13] T. N. Hoang and T. Y. Nguyen, *Culture of Nung people's craft villages*. Culture and Ethnic Publishing House, Hanoi, 2005.